

Số: 31/2020/QĐST-HNGĐ

Quan Sơn, ngày 13 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Hà Tuấn N, sinh năm 1982, địa chỉ: Bản X, xã TH, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa;

Bị đơn: Chị Vi Thị H, sinh năm 1983, địa chỉ: Bản X, xã TH, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 147 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3,4 của Bộ luật TTDS; Điều 6; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hà Tuấn N và Chị Vi Thị H.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - 2.1 *Về hôn nhân:* Anh Hà Tuấn N và chị Vi Thị H tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2 *Về con cái:* Vợ chồng có 03 con chung cháu là Hà Thị Du M- sinh ngày 17/7/2002, cháu Hà Thị Trà M- sinh ngày 27/10/2005, cháu Hà Anh Hùng V- sinh ngày 29/7/2008. Hiện cháu M đã đến tuổi trưởng thành. Nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết. Còn hiện nay cháu M và cháu V đang ở với bố. Sau khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận, thống nhất giao cháu Hà Thị Trà M và cháu Hà Anh Hùng V cho bố trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Chị Vi Thị H không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở hoặc lạm dụng việc thăm nom con để gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

2.3 *Về tài sản:* Anh Hà Tuấn N và chị Vi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh Hà Tuấn N và chị Vi Thị H thỏa thuận anh Hà Tuấn N chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000498 ngày 21/10/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện QS. Như vậy anh Hà Tuấn N được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện QS;
- Chi cục THADS huyện QS;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

BÀN HỮU VĂN